



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 07

Ngày 15 tháng 01 năm 2018

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

29-11-2017	Quyết định số 6262/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè giai đoạn 2016 - 2020.	2
01-12-2017	Quyết định số 6279/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, y tế nguy hại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	53

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6262/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2017***QUYẾT ĐỊNH****Về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới
xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè giai đoạn 2016 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng

nông thôn thành phố giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 6183/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn vùng nông thôn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013-2020 và Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cơ chế quản lý đầu tư xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013-2020, ban hành kèm theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố, ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010-2020 và Quyết định số 3558/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010-2020 theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Xét đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 2935/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 10 tháng 11 năm 2017 về Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, giai đoạn 2016 - 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè giai đoạn 2016 - 2020 *(theo nội dung đề án đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các Sở - ngành liên quan, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố; Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới
xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè giai đoạn 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6262/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

PHẦN I

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN MỚI XÃ NHƠN ĐỨC, HUYỆN NHÀ BÈ

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Điều kiện tự nhiên

Xã Nhơn Đức, nằm phía Tây Nam huyện Nhà Bè, là xã ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố khoảng 20km; có tọa độ địa lý từ 10040'20"B đến 1060 42'5"D.

- Ranh giới hành chính được xác định như sau:
- Phía Đông giáp với xã Long Thới, huyện Nhà Bè.
- Phía Bắc giáp với xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.
- Phía Nam giáp với xã Long Hậu (huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An).
- Phía Tây Nam giáp với xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè.
- Phía Đông Bắc giáp với xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè.
- Phía Tây Nam giáp với xã Đa Phước, huyện Bình Chánh.

Xã có diện tích tự nhiên 1455,69ha, được chia làm 04 ấp (ấp 1,2,3,4). Trong đó: diện tích đất nông nghiệp là 972,84ha, chiếm 66,83% (gồm diện tích đất trồng cây hàng năm: 640,05ha, đất trồng cây lâu năm 204,06ha, còn lại là đất nuôi trồng thủy sản 128,74ha), đất phi nông nghiệp: 480,71ha (tỷ lệ 33,02%).

Tổng diện tích mặt nước trên địa bàn xã 244,68ha, chủ yếu là diện tích sông suối, mặt nước ao tự nhiên; sốkm sông rạch hiện có 54km (trong đó: 14km sông

chính, 40km rạch).

2. Dân số lao động:

Dân số toàn xã là 13.781 nhân khẩu, 3.799 hộ gia đình, mật độ dân số bình quân là 920 người/km². Số hộ sản xuất nông nghiệp là 817 hộ, chiếm 21,51% tổng số hộ trú: 28.141 người, 6.345 hộ. Mật độ dân số bình quân 2.088 người/km².

Xã Nhơn Đức có lực lượng lao động khoảng 8.500 người, chiếm 61,68% dân số toàn xã. Trong đó, lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp khoảng 617/8.500 người, chiếm tỷ lệ 7,26% lực lượng lao động của xã; còn lại 92,74% lao động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại.

Tổng số người lao động qua đào tạo là 77,44% (6.385/8.500 người lao động đang làm việc, trong đó tỷ lệ nữ là 48,60%).

Số lượng lao động trong độ tuổi còn đang đi học là 793 người, chiếm 9,33% lực lượng lao động của xã.

Tốc độ đô thị hóa trên địa bàn xã nhanh nên dự kiến sẽ đón nhận một lượng không nhỏ dân số từ nơi khác đến sống. Điều này tác động rất lớn đến sự hình thành và thúc đẩy các điểm, khu dân cư, các tụ điểm kinh tế, các khu vực công nghiệp, các ngành nghề truyền thống,... Từ đó dẫn đến sự thay đổi phân bố dân cư, phát triển sản xuất; đồng thời tác động nhất định đến việc sử dụng đất trên địa bàn xã.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quy hoạch (Tiêu chí số 01)

1.1 Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2014 về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) của huyện Nhà Bè. Trong đó, phân khai các chỉ tiêu sử dụng đất của xã Nhơn Đức theo từng giai đoạn quy hoạch. Đây là cơ sở pháp lý để sử dụng quỹ đất cho sản xuất và đầu tư phát triển của xã.

Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè đã ban hành Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2011 về phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức đến năm 2020 và Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2.000 khu trung tâm xã Nhơn Đức.

1.2 Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch

Hiện nay, Ủy ban nhân dân xã chưa tổ chức cắm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch được duyệt; chưa triển khai thực hiện đồ án quy hoạch. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã vẫn thường xuyên rà soát quy hoạch được phê duyệt, đã đề xuất Ủy ban nhân dân huyện xem xét, điều chỉnh để phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và ổn định đời sống của bà con nhân dân đang sinh sống tại xã.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

2.1 Giao thông (Tiêu chí số 02)

- Trên địa bàn xã có 116 tuyến đường giao thông, tổng chiều dài 23,449km. Cụ thể:

- + Đường trục xã, liên xã đã được nhựa hóa: 13,817km.
- + Đường trục ấp, liên ấp đã được nhựa hóa, cứng hóa: 0,983km.
- + Đường tồ, hẻm (ngõ xóm) đã được nhựa hóa, cứng hóa: 8,694km.

- Thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015 xã thực hiện nâng cấp 22 tuyến đường giao thông, tổng chiều dài 10,089km. Cụ thể:

- + Đường trục xã, liên xã đã được nhựa hóa: 3,934km.
- + Đường trục ấp, liên ấp đã được nhựa hóa, cứng hóa: 0,983km.
- + Đường tồ, hẻm (ngõ xóm) đã được nhựa hóa, cứng hóa: 5,172km.

Nhìn chung, hệ thống giao thông nông thôn đã tạo điều kiện thuận tiện cho nhân dân đi lại và tác động tích cực trong thu hút đầu tư.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, cần tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống giao thông nông thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giao thông vận tải và phù hợp với quy hoạch chung của huyện; thực hiện trồng cây xanh dọc theo các tuyến đường; gắn biển báo giao thông, lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng và bố trí đầy đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật: cấp nước, thoát nước,...

2.2 Thủy lợi (Tiêu chí số 03)

Toàn xã có 26 tuyến kênh rạch với tổng chiều dài 32km. Thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015: xã đã tiến hành nạo vét 04 tuyến rạch trên địa bàn 4 ấp nhằm khơi thông dòng chảy, đảm bảo việc tiêu thoát nước trong khu vực dân cư, hạn chế việc ô nhiễm môi trường nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của các hộ dân với tổng chiều dài nạo vét là 1.006m; xây dựng 01 cống hộp thay

thể cho cầu giao thông nông thôn nhằm cải tạo hệ thống hạ tầng giao thông để phục vụ việc đi lại cũng như phát triển kinh tế xã hội của người dân trong khu vực.

- Để giảm tình trạng ngập úng vào mùa mưa, đồng thời đáp ứng như cầu sản xuất, nuôi trồng thủy sản cho các hộ dân trong vùng, giai đoạn 2016-2020 cần tiếp tục đầu tư nạo vét các tuyến kênh rạch còn lại. Thường xuyên kiểm tra và xử lý nghiêm các hoạt động lấn chiếm làm thu hẹp dòng chảy.

2.3 Điện (Tiêu chí số 04)

Hệ thống điện trên địa bàn xã được cấp từ lưới điện thuộc Công ty điện lực thành phố, đáp ứng tốt nhu cầu truyền tải điện năng cho sinh hoạt và sản xuất của người dân, đảm bảo đạt yêu cầu của ngành điện. Hiện nay 100% hộ dân đã sử dụng điện trực tiếp từ lưới điện quốc gia.

2.4 Trường học (Tiêu chí số 05)

Hiện nay trên địa bàn xã có 04 trường học với 3 cấp học (gồm: 01 trường trung học cơ sở, 02 trường tiểu học và 01 trường mầm non). Trong đó, có 03 trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, gồm: trường Mầm non Hướng Dương (diện tích 14.361m²), trường tiểu học Lê Lợi (diện tích 8.653m²) và Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng (9.800m²). Riêng trường tiểu học Lê Văn Lương được nâng cấp, đầu tư trang thiết bị để phục vụ việc dạy và học tốt hơn, tuy nhiên do chưa đảm bảo diện tích trường lớp nên chưa đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất. Trong giai đoạn 2016 - 2020, để đáp ứng yêu cầu đạt chuẩn, cần tiếp tục tu sửa và nâng cấp cơ sở 2 - trường Tiểu học Lê Văn Lương để đáp ứng nhu cầu và yêu cầu đạt chuẩn.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, cần nâng cấp sửa chữa và bổ sung thêm phòng học tại các trường: tiểu học Lê Văn Lương, tiểu học Lê Lợi và trung học cơ sở Hai Bà Trưng để có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia.

2.5 Cơ sở vật chất văn hoá (Tiêu chí số 06)

- Xã có Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã: Trung tâm Văn hóa - Thể thao liên xã Nhơn Đức - Phước Kiển đạt chuẩn quốc gia trên diện tích tích 5.921m²; Trung tâm học tập cộng đồng xã hiện được sử dụng để tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo nghề ngắn hạn, tuyên truyền kiến thức pháp luật.

- Xã có điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định: Trên địa bàn xã 03/04 Văn phòng Ban nhân dân áp gần với tụ điểm sinh hoạt văn hóa áp được sửa chữa khang trang và đã đưa vào sử dụng. Riêng áp 4 xây dựng 01 nhà văn hóa áp 4, với diện tích 1.991m² nhằm tạo khu vui chơi giải trí, sinh hoạt

cộng đồng dân cư trên địa bàn ấp.

- Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng: Văn phòng ban nhân dân ấp 1,2 diện tích khoảng 150m² được hình thành trước khi Đề án nông thôn mới xã Nhơn Đức được duyệt nên hiện nay đã xuống cấp và chưa đáp ứng được quy chuẩn về diện tích tối thiểu theo hướng dẫn số 4688/HD-BVHTTDL ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Riêng văn phòng ấp 3 được đầu tư năm 2012 với diện tích gần 200m². Tuy nhiên, hiện nay Văn phòng Ban nhân dân 04 ấp bị xuống cấp do nền đất bị lún, đồng thời thiếu trang thiết bị phục vụ sinh hoạt cho người dân tại các ấp.

2.6 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (Tiêu chí số 07)

Chợ Nhơn Đức được xây dựng mới và đưa vào hoạt động từ tháng 01 năm 2015. Chợ đạt chuẩn theo quy định trên diện tích 5.700m² với 162 sạp các loại, cơ bản đảm bảo phục vụ nhu cầu kinh doanh và buôn bán của nhân dân trên địa bàn xã.

2.7 Thông tin và Truyền thông (Tiêu chí số 08)

- Trên địa bàn xã có 02 Bưu điện văn hoá tại ấp 1 (với diện tích khoảng 2980m²) và ấp 3 (với diện tích khoảng 220m²), do nhu cầu trao đổi thông tin, thực hiện giao dịch qua bưu điện của người dân ngày càng ít nên hiện nay cả 02 bưu điện đã tạm ngưng hoạt động. Hiện nay, công ty Bưu chính viễn thông thành phố lắp đặt thùng thư cộng đồng tại ngã tư đường Nguyễn Bình - Lê Văn Lương để phục vụ số ít người dân có nhu cầu gửi thư.

- Trên địa bàn xã có 20 điểm truy cập internet, 15 đại lý dịch vụ viễn thông. Nhìn chung, hiện nay thông tin liên lạc trên địa bàn xã phục vụ tốt sinh hoạt hàng ngày, học tập nâng cao kiến thức, ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Xã có một đài truyền thanh và 30 cụm loa phân bố đều trên địa bàn 04 ấp, phát thanh 02 buổi/ngày, đáp ứng tốt công tác tuyên truyền đến nhân dân.

2.8 Nhà ở dân cư (Tiêu chí số 09)

Tổng số nhà ở trên địa bàn: 3.799 căn. Trong đó:

- Nhà kiên cố: 556 căn chiếm tỷ lệ 14,67%
- Nhà bán kiên cố: 3.084 căn, chiếm tỷ lệ 81,18%
- Nhà thiếu kiên cố: 148 căn, chiếm tỷ lệ 3,9%
- Nhà tạm, dột nát: 13 căn, chiếm tỷ lệ 0,34%.

Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân xã đã đề ra nhiều biện pháp để kéo giảm tình hình vi phạm trật tự xây dựng. Công tác quản lý, giám sát, giải quyết... các vấn đề đất đai được thực hiện khá tốt, xử lý nghiêm, kịp thời những trường hợp vi phạm Luật Đất đai như sử dụng đất không đúng mục đích, lấn chiếm đất, tranh chấp đất, kiểm tra và xử lý ngay các khiếu nại của nhân dân trong việc thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa cao do nhận thức một bộ phận người dân còn hạn chế, không am hiểu pháp luật, cố tình vi phạm với nhiều hình thức. Chính vì vậy công tác quản lý về xây dựng, nhà ở trên địa bàn gặp nhiều khó khăn.

3. Kinh tế - Tổ chức sản xuất

3.1 Thu nhập (Tiêu chí số 10)

Qua quá trình triển khai thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới, xã Nhơn Đức rất quan tâm nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Khi xây dựng Đề án từ năm 2010, thu nhập bình quân của người dân trên địa bàn xã từ 15 triệu đồng/người/năm, đến nay thu nhập bình quân đầu người là 38,13 triệu đồng/người/năm, gấp 2,54 lần khi triển khai Đề án.

Tỷ lệ giá trị đóng góp của các ngành trên địa bàn xã tính đến cuối năm 2015:

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: 3,2%.
- Thương mại, dịch vụ: 96,25%.
- Nông nghiệp: 0,55%.

Theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Nhà Bè lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015-2020, cơ cấu kinh tế của xã vẫn phát triển theo hướng Thương mại và Dịch vụ - Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Nông nghiệp.

3.2 Hộ nghèo (Tiêu chí số 11)

Từ năm 2010 - 2015, được sự quan tâm, hỗ trợ của các ngành, các cấp cho các hộ nghèo, cận nghèo như chính sách tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội, hỗ trợ người lao động mất việc làm, hỗ trợ xóa nhà tạm, dột nát, khám chữa bệnh cho người nghèo, ... Tính đến tháng 10 tháng 2016, tổng số hộ nghèo là 324/3.799 hộ, chiếm tỷ lệ 8,53% tổng hộ dân; tổng số hộ cận nghèo là 139/3.799 hộ, chiếm tỷ lệ 3,66% tổng hộ dân.

3.3 Lao động có việc làm (Tiêu chí số 12)

Từ năm 2011 - 2015, đã giới thiệu việc làm cho 3.486 lượt người; Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 1.967 người. Tổng số lao động đang làm việc trong các

thành phần kinh tế là 7.215/8.500 người (chiếm tỷ lệ 84,88%), lao động trên lĩnh vực nông nghiệp 617/8.500 (tỷ lệ 7,26%), lao động thất nghiệp giảm còn 668/8.500 người (chiếm tỷ lệ 7,86%).

Trong thời gian tới cần đa dạng hóa ngành nghề sản xuất, phối hợp với các cơ sở sản xuất trên địa bàn xã ưu tiên tuyển lao động địa phương, để giải quyết, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm cho lực lượng lao động nhàn rỗi. Triển khai có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn để nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn xã.

3.4 Tổ chức sản xuất (Tiêu chí số 13)

Xã Nhơn Đức chịu tác động khá lớn của quá trình đô thị hóa, diện tích đất sản xuất nông nghiệp giảm dần. Hiện nay, xã có 08 tổ hợp tác: tổ hợp tác nuôi tôm (67 hộ), tổ hợp tác nuôi cá (22 hộ), tổ hợp tác nuôi heo (31 hộ), tổ hợp tác trồng hoa lan, cây kiếng (05 hộ), tổ may gia công (136 hộ), tổ se nhang (23 hộ), tổ kết cườm (08 hộ) tổ mây tre lá (07 hộ).

Các tổ hợp tác, các mô hình sản xuất được duy trì ổn định, cùng nhau thực hiện các chủ trương chính sách về nông nghiệp, giúp đỡ lẫn nhau về kinh nghiệm, kiến thức, vốn, góp phần ổn định và nâng dần mức sống của hộ thành viên.

Ngoài ra, trên địa bàn xã có một quỹ tín dụng nhân dân hoạt động theo mô hình hợp tác xã với 28 thành viên sáng lập, 08 công nhân viên hoạt động tương đối ổn định và có hiệu quả.

Trên địa bàn xã chưa có hợp tác xã đạt chuẩn theo Luật hợp tác xã.

4. Văn hóa - Xã hội - Môi trường

4.1 Giáo dục và Đào tạo (Tiêu chí số 14)

- Vận động trẻ 5 tuổi ra mẫu giáo đạt: 100%
- Trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 100%.
- Trẻ có độ tuổi từ 11 - 14 tuổi theo học bậc Trung học cơ sở: 100%
- Phổ cập giáo dục Tiểu học đạt: 100%.
- Phổ cập giáo dục bậc Trung học cơ sở đạt: 99,48%.
- Phổ cập giáo dục Trung học phổ thông đạt: 98,2%.
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học (trung học phổ thông, bổ túc, học nghề): 100%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến nay đạt 75,64%; trong đó lao động nữ chiếm

49,50%.

- Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo đến nay đạt 78,76%; trong đó lao động nữ chiếm 49,27%.

- Xóa mù chữ theo quy định của ngành giáo dục đạt 99,97%; trong đó nữ chiếm 99,86%.

4.2 Y tế (Tiêu chí số 15)

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế $\geq 95\%$: Hiện nay, tỷ lệ người dân thường trú tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 12.430/14.030 người, đạt tỷ lệ 88,6%.

- Trạm Y tế xã đạt 10/10 chuẩn theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đến 2020. Xã Nhơn Đức được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế, đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Số lượng cán bộ, nhân viên của trạm y tế xã: 01 bác sỹ, 02 y sỹ, 01 nữ hộ sinh, 01 dược sỹ và 02 y tá. Giai đoạn 2016-2020, cần bổ sung thêm một số trang thiết bị y tế, thiết bị văn phòng để phục vụ tốt hơn công tác khám chữa bệnh cho người dân, đồng thời duy tu, sửa chữa một số trần thạch cao bị hư.

4.3 Văn hóa (Tiêu chí số 16)

- Cuối năm 2015, Ủy ban nhân dân xã có 04/04 ấp được công nhận đạt chuẩn ấp văn hóa (đạt 100%). Xã cũng đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể xã tổ chức bình xét và công nhận gia đình văn hóa năm 2015 đạt 93,8%. Chương trình xây dựng ấp văn hóa gắn với phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được quan tâm thực hiện.

- Xã được công nhận xã văn hóa - xã nông thôn mới. Xã cũng đã hoàn thành và ra mắt phòng truyền thống tại Ủy ban nhân dân xã và xây dựng góc truyền thống tại văn phòng 10 ấp.

- Định kỳ hàng năm, xã đều tổ chức Hội thi liên hoan văn nghệ quần chúng mừng Đảng, mừng Xuân và tham gia hội thi văn nghệ quần chúng tại huyện; tổ chức nhiều hội thi phục vụ nhu cầu giải trí tinh thần cho nhân dân trên địa bàn xã; tổ chức các hoạt động ý nghĩa để kỷ niệm các ngày lễ lớn.

4.4 Môi trường và An toàn thực phẩm (Tiêu chí số 17)

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn Quốc gia: Tính đến tháng 12/2016, 100% hộ dân trên địa bàn xã đã có điều kiện được tiếp cận nước

sạch để sử dụng thông qua các phương thức mạng cấp nước, Trạm cấp nước, đồng hồ tổng và thiết bị lọc nước hộ gia đình. Ủy ban nhân dân xã đã phối hợp cùng Công ty Cổ phần cấp nước Nhà Bè tập trung phát triển mạng lưới cung cấp nước BOO trên địa bàn xã. Đến nay đã gắn 3.556 đồng hồ nước cho dân trên địa bàn xã với 3.799 hộ, các tuyến hẻm còn lại đã phủ kín mạng lưới nước hợp vệ sinh được phân phối từ nguồn nước giếng khoan (03 trạm - 05 giếng) của Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia đạt 100%.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường, các làng nghề đạt chuẩn về môi trường: trên địa bàn xã có 26 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có phát sinh nước thải, khí thải; có 17/26 cơ sở có giấy phép đạt chuẩn môi trường; Xã đã vận động các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ chưa có giấy phép đăng ký bảo vệ môi trường liên hệ các cơ quan chức năng thực hiện đăng ký theo quy định.

- Trên địa bàn xã không có các hoạt động suy giảm môi trường và có hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp. Thường xuyên kiểm tra các tuyến đường, các tuyến kênh đảm bảo không có rác, vệ sinh môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Tỷ lệ xanh hóa hàng rào còn thấp chỉ đạt >20%.

- Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch: Nghĩa trang Nhơn Đức được xây dựng khang trang, sạch đẹp, đảm bảo thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt, có quy chế hoạt động và do Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Nhà Bè quản lý. Trong năm 2013, Nghĩa trang Nhơn Đức được phê duyệt quy hoạch mở rộng 1,63ha nâng tổng diện tích là 6,63ha. Trên địa bàn xã không có nghĩa trang gia tộc và trong những năm gần đây không phát sinh trường hợp chôn cất tại đất nhà.

- Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định: Hiện tại, xã có 100% hộ gia đình có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn quy định. Ủy ban nhân dân xã đã tuyên truyền, vận động các hộ gia đình sinh sống trên địa bàn xã đăng ký giao rác cho Tổ lực lượng thu gom tại nguồn. Số hộ gia đình đăng ký với lực lượng thu gom tại nguồn hiện nay là 3.723/3.799 hộ, đạt tỷ lệ 98%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Hầu hết các hộ dân trên địa bàn xã đều đảm bảo có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và thường xuyên dọn dẹp vệ sinh khu vực xung quanh nhà, đáp ứng theo 03 tiêu chí sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: 68 hộ, trong đó có 04 hộ có hầm biogas, số hộ có chuồng trại hợp vệ sinh là 68 hộ.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: có tổng cộng 19 cơ sở; trong đó đã được Huyện công nhận đạt chuẩn là 06 cơ sở kinh doanh ăn uống.

5. Hệ thống chính trị

5.1 Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật (Tiêu chí số 18)

- Số lượng cán bộ xã là 43; trong đó, cán bộ chuyên trách 11, cán bộ công chức 13 và cán bộ không chuyên trách 19. Hiện xã chưa bố trí công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng - Môi trường phụ trách nông thôn mới.

- Đảng bộ xã có 13 chi bộ trực thuộc với 182 đảng viên. Đảng ủy xã thường xuyên nắm bắt dư luận xã hội, tổ chức các buổi báo cáo tình hình thời sự trong và ngoài nước, triển khai các Nghị quyết chuyên đề với số lượng tham dự đạt tỷ lệ cao, qua đó giúp cho cán bộ đảng viên, quần chúng nhân dân nhận thức đúng đắn về tình hình mới, để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Xã có đủ các tổ chức Đoàn thể theo quy định

- Năm 2016, Đảng bộ xã đạt trong sạch vững mạnh.

- Năm 2016, các tổ chức chính trị xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

- Hiện nay, các hộ dân trên địa bàn xã đều tiếp cận pháp luật thông qua các buổi tuyên truyền của Ủy ban nhân dân huyện, cũng như các đoàn thể chính trị xã hội của huyện và xã. Đồng thời, phát trên đài truyền thanh vào mỗi buổi sáng và buổi chiều đảm bảo người dân tiếp cận được pháp luật.

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

5.2 Quốc phòng và An ninh (Tiêu chí số 19)

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng: Ban chỉ huy Công an và Ban chỉ huy Quân sự đã xã triển khai lực lượng, phân công lịch trực cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm an ninh và giải quyết công tác tiếp nhận thông tin và xử lý các trường hợp vi phạm trên địa bàn xã nhanh và chính xác nhất.

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: Trong nhiều năm liền hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc phòng và quân sự địa phương như: công tác trực sẵn sàng chiến đấu, công tác xây dựng lực lượng, công tác diễn tập phòng thủ, công tác tuyển quân hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu cấp trên giao, công

tác chăm lo hậu phương quân đội luôn được quan tâm; Tình hình an ninh trật tự tại xã ổn định, phạm pháp hình sự, cháy nổ, tai nạn, tệ nạn xã hội trên địa bàn xã được tập trung quan tâm lãnh chỉ đạo thực hiện. Không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm kỷ luật.

PHẦN II

NỘI DUNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NHƠN ĐỨC, HUYỆN NHÀ BÈ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống chính trị và nhân dân xã Nhơn Đức về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; duy trì các tiêu chí đã đạt được kết hợp với thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng. Trong đó, tập trung vào các nội dung tiêu chí về phát triển sản xuất; nâng cao thu nhập; giảm nghèo bền vững; giảm thiểu ô nhiễm môi trường; rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch theo hướng tập trung quy hoạch khu dân cư nông thôn mới gắn với cảnh quan môi trường nông thôn; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể

Căn cứ Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020, hiện nay xã Tân Nhựt đạt 06/19 tiêu chí.

Căn cứ Quyết định số 6183/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh, dự kiến tiến độ triển khai Đề án nâng chất các tiêu chí xây dựng nông thôn mới xã Tân Nhựt giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

- Năm 2016: đạt 06/19 tiêu chí.
- Năm 2017: đạt 08/19 tiêu chí.
- Năm 2018: đạt 13/19 tiêu chí.
- Năm 2019: đạt 18/19 tiêu chí.
- Năm 2020: đạt 19/19 tiêu chí.

- Tiếp tục giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới cao hơn, bền vững hơn (theo Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020).

- Rà soát, hoàn thiện, tiếp tục đầu tư và vận động nhân dân xây dựng các công trình thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn (giao thông, cấp nước sạch, thoát nước, trường học, điện,...): Tiếp tục bố trí vốn để triển khai thực hiện kế hoạch duy tu, nâng chất để phát huy hiệu quả cơ sở hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2017 là 4%; năm 2018 là 1,9%. Đến cuối năm 2018, cơ bản hoàn thành chương trình giảm nghèo bền vững tỷ lệ hộ nghèo còn 0,92% (tương đương 35 hộ)

- Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng: Thương mại - Dịch vụ, Tiểu thủ công nghiệp - Nông nghiệp. Cơ cấu lao động trong lĩnh vực nông nghiệp giảm bình quân từ 06 đến 08%/năm. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm (trừ số lao động trong độ tuổi đang đi học tập trung tại các trường Trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học theo quy định,...) đạt 95% trở lên.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

- Duy trì xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, phấn đấu đến năm 2020 đạt 95% bảo hiểm y tế toàn dân; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng về cân nặng, chiều cao dưới 2,5%.

- Xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn với ít nhất 3/4 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa; tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt >85%; tỷ lệ người tham gia hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên đạt trên 33% và tham gia các hoạt động văn nghệ đạt trên 20%; tỷ lệ đám cưới, đám tang thực hiện nếp sống văn hóa đạt trên 70%.

- Tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp và cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn; chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định đạt 100%.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, hoạt động của các hội, đoàn thể thông qua việc vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới. Trong đó, tỷ lệ cán bộ xã đạt chuẩn là 100%; hoạt động của Đảng bộ xã phấn đấu đạt trong sạch vững mạnh, chính quyền đạt “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên và các tổ chức đoàn thể chính trị đạt vững mạnh xuất sắc hàng năm; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch (Tiêu chí số 01)

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 1 của Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 trong năm 2017.

b) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng Quy hoạch chung xây dựng xã đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô thị và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

- Rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh và tổ chức thực hiện Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ theo thực tiễn, đúng quy định, đảm bảo tính kết nối, thực hiện quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy, hải sản theo hướng đầu tư có hệ thống kênh cấp nước và hệ thống tiêu thoát nước riêng biệt. Quy hoạch sản xuất phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp - dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã, huyện để tăng thu nhập bền vững cho người dân và phát triển môi trường cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

- Cấm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng và triển khai thực hiện quy hoạch đã được duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức đến năm 2020.

- Tiếp tục thực hiện chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật kết hợp xây dựng nhà ở tại các khu dân cư hiện hữu trên cơ sở vận động người dân hiến đất, đóng góp kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; ban hành và áp dụng quy định quản lý kiến trúc, xây dựng tạo cảnh quan đồng bộ với các khu vực định hướng phát triển đô thị trên địa bàn huyện.

* Phân công quản lý và thực hiện:

Giao Sở Quy hoạch và Kiến trúc chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành có liên, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức triển khai thực hiện.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

2.1 Giao thông (Tiêu chí số 02)

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 trong năm 2019.

b) Nội dung thực hiện:

Thực hiện đầu tư 02 tuyến đường giao thông nông thôn và hệ thống thoát nước với tổng chiều dài 1,654km. Cụ thể:

- Đường tổ, hẻm: 01 tuyến với tổng chiều dài 0,804km;
- Đường nội đồng: 01 tuyến với tổng chiều dài 0,85km.

2.2 Thủy lợi (Tiêu chí số 03)

a) Mục tiêu: Hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng. Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2018. Hệ thống công trình thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp và dân sinh.

b) Nội dung thực hiện:

- Đầu tư nạo vét, đóng cừ tràm gia cố bờ, khơi thông dòng chảy 06 tuyến rạch với tổng chiều dài 2.575m.

- Thường xuyên vận động người dân, cộng đồng, doanh nghiệp tham gia nạo vét, vớt cỏ rác, lục bình, phát hoang, khai thông dòng chảy, cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường đối với các tuyến kênh, rạch trên địa bàn xã.

2.3 Điện (Tiêu chí số 04)

a) Mục tiêu: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện vùng nông thôn. Duy trì và nâng chất tiêu chí số 04 trong Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 đạt vào năm 2016.

b) Nội dung thực hiện:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã, đáp ứng yêu cầu tiêu chí số 04 của Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn thành phố giai đoạn 2016-2020.

- Lắp đặt hệ thống chiếu sáng một số tuyến hẻm mở rộng bằng nguồn vốn đóng góp của dân và doanh nghiệp.

* Phân công quản lý và thực hiện:

Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức triển khai thực hiện.

2.4 Trường học (Tiêu chí số 05)

a) Mục tiêu: Hoàn chỉnh các công trình đảm bảo đạt chuẩn về cơ sở vật chất cho các trường học. Đạt yêu cầu tiêu chí số 05 trong Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo

đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2019.

b) Nội dung thực hiện:

- Nâng cấp sửa chữa, xây dựng thêm các khối trường học và bổ sung thêm trang thiết bị dạy học cho trường Tiểu học Lê Văn Lương (cơ sở 1 và cơ sở 2) và trường Tiểu học Lê Lợi.

2.5 Cơ sở vật chất văn hóa (Tiêu chí số 06)

a) Mục tiêu: Sửa chữa, nâng cấp, chỉnh trang văn phòng áp kết hợp đầu tư trang bị các thiết bị, dụng cụ phục vụ tập luyện thể dục, thể thao và vui chơi giải trí của người dân (đặc biệt là trẻ em và người già), Văn phòng áp kết hợp Tụ điểm sinh hoạt văn hóa áp. Đạt yêu cầu tiêu chí số 06 trong Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2018.

b) Nội dung thực hiện:

- Cải tạo, nâng cấp và bổ sung thêm trang thiết bị cho Trung tâm Văn hóa - thể thao Liên xã Nhơn Đức, Phước Kiển; các văn phòng áp kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa, khu vui chơi thiếu nhi áp 4 theo Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Cụ thể:

+ Cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang Trung tâm văn hóa xã Nhơn Đức.

+ Sửa chữa, cải tạo và cung cấp trang thiết bị cho khu vui chơi áp 4 và các văn phòng áp.

- Phối hợp nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao liên xã Nhơn Đức, Phước Kiển theo quy chế phối hợp.

2.6 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (Tiêu chí số 07)

a) Mục tiêu: Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy hoạch, phù hợp với nhu cầu của người dân. Duy trì và nâng chất tiêu chí số 07 trong Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 đạt vào năm 2016.

b) Nội dung thực hiện:

- Thúc đẩy hoạt động các chợ nông thôn, nâng cấp cơ sở vật chất đảm bảo quản lý và hoạt động phù hợp theo quy định; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư, xây dựng và khai thác chợ trên địa bàn xã Nhơn Đức.

- Vận động các đơn vị mở các cửa hàng tiện ích, cửa hàng bình ổn giá nhằm đáp ứng nhu cầu mua sắm cho người dân.

2.7 Thông tin và Truyền thông (Tiêu chí số 08)

a) Mục tiêu: Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông; thiết lập mới và nâng cấp các đài truyền thanh xã, hệ thống cụm loa phát thanh tại các ấp. Duy trì và nâng chất tiêu chí số 08 trong Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 đạt vào năm 2016.

b) Nội dung thực hiện:

- Hoàn thiện và nâng chất phục vụ bưu chính, viễn thông tại Bưu điện văn hóa xã. Thông qua việc tăng cường bổ sung các dịch vụ viễn thông, ứng dụng công nghệ thông tin thích hợp với các hoạt động văn hóa để triển khai nhân rộng mô hình Thư viện - Bưu điện văn hóa xã. Tăng cường các dịch vụ internet, viễn thông đến các hộ dân trên địa bàn xã.

- Phát huy tính hiệu quả hoạt động của Kios thông tin nông thôn mới tại ấp (bao gồm đường truyền internet từ xã đến Văn phòng ấp - kết hợp với Tủ điểm văn hóa ấp).

- Đầu tư nâng cấp và cải tạo, duy tu và sửa chữa đài truyền thanh xã và hệ thống loa truyền thanh đến các ấp.

- Thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng chống xuống cấp điểm phục vụ bưu chính viễn thông.

2.8 Nhà ở dân cư (Tiêu chí số 09)

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 09 trong Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2017.

b) Nội dung thực hiện:

- Tổ chức hướng dẫn người dân xây dựng, sửa chữa nhà ở theo quy định hiện hành (cấp phép xây dựng có thời hạn) tạo điều kiện cải thiện nhà ở cho các hộ dân thuộc khu vực đã có quy hoạch, đường cao tốc, ven kênh rạch... nhưng chưa có quyết định thu hồi đất.

- Tiếp tục hỗ trợ, vận động các hộ dân thuộc diện nhà tình nghĩa, nhà tình thương mở rộng thêm diện tích nhà ở để đảm bảo tiêu chuẩn 14m²/người đạt chuẩn Bộ Xây dựng

- Khuyến khích người dân tăng cường sửa chữa nhà ở, đảm bảo điều kiện sống của người dân ngày càng tốt hơn: công trình nhà ở có niên hạn sử dụng từ 20 năm trở

lên; các công trình phụ trợ (bếp, nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi,...) phải được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt.

3. Kinh tế và Tổ chức sản xuất

3.1 Thu nhập (Tiêu chí số 10)

a) Mục tiêu: Hoàn thiện và nâng chất để đạt tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2020, thu nhập bình quân khu vực nông thôn đến năm 2020 \geq 63 triệu đồng/người/năm (hiện nay thu nhập bình quân người/năm của xã là 40,632 triệu đồng/người/năm).

b) Nội dung thực hiện:

Thực hiện triển khai có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn để nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

Xây dựng phát triển loại hình nuôi trồng thủy sản kết hợp giải trí du lịch.

* Phân công quản lý và thực hiện:

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức triển khai thực hiện.

3.2 Hộ nghèo (Tiêu chí số 11)

a) Mục tiêu: Đạt tiêu yêu cầu theo Tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2019.

b) Nội dung thực hiện:

- Tổ chức khảo sát, rà soát phân loại chi tiết cụ thể từng hộ nghèo, phân tích nguyên nhân, điều kiện vượt nghèo của từng hộ để có giải pháp hỗ trợ phù hợp giúp vượt nghèo; Hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, miễn giảm học phí, sửa chữa nhà, cấp bảo hiểm y tế,... giúp ổn định cuộc sống, nâng cao thu nhập giảm nghèo.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế; hỗ trợ kinh phí xóa nhà dột nát cho người nghèo; khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; chính sách cho người có công...; Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ

được người nghèo và các đối tượng chính sách.

* Phân công quản lý và thực hiện:

Giao Ban Chỉ đạo Chương trình giảm nghèo bền vững chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức triển khai thực hiện.

3.3 Lao động có việc làm (Tiêu chí số 12)

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu theo tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2019.

b) Nội dung thực hiện:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn xã; thường xuyên liên hệ, phối hợp, liên kết với các trường, trung tâm, doanh nghiệp có chức năng dạy nghề để ngành nghề đào tạo đa dạng phù hợp với nhu cầu, khả năng của người lao động cũng như nhà tuyển dụng và thị trường lao động.

- Thực hiện kế hoạch và giải pháp đào tạo nghề phải đảm bảo dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của lao động sau khi học nghề và giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn các xã. Nâng tỷ lệ người có việc làm trên lực lượng lao động đến năm 2020 đạt 95%.

* Phân công quản lý và thực hiện:

Giao Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức triển khai thực hiện.

3.4 Tổ chức sản xuất (Tiêu chí số 13)

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu theo tiêu chí số 13 theo Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2017.

b) Nội dung thực hiện:

- Phát triển kinh tế hộ, trang trại, hợp tác xã:

+ Tập trung vận động thành lập Hợp tác xã và xây dựng giải pháp phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, xây dựng ít nhất 01 hợp tác xã hoặc tổ hợp tác điển hình tiên tiến, hiện đại; tăng cường chuỗi liên

kết cung ứng dịch vụ đầu vào và tiêu thụ nông sản.

+ Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao và công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp.

+ Tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng tập trung chỉ đạo phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả hỗ trợ cho nông dân, chú trọng việc xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả; mô hình liên kết giữa nông hộ với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác.

+ Tổ chức liên kết sản xuất, chế biến, mở rộng hợp đồng tiêu thụ các loại nông sản hàng hóa giữa Trang trại - Tổ hợp tác - Hợp tác xã với các Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn trong và ngoài xã, huyện, thành phố.

- Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn xã, mở rộng hợp đồng tiêu thụ nông sản.

- Thực hiện chính sách thúc đẩy liên kết kinh tế giữa các loại hình kinh tế ở địa phương: liên kết doanh nghiệp với hợp tác xã, tổ hợp tác...

* Phân công quản lý và thực hiện:

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức triển khai thực hiện.

4. Văn hóa - Xã hội - Môi trường

4.1 Giáo dục và đào tạo (Tiêu chí số 14)

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu theo tiêu chí số 14 theo Bộ tiêu chí về nông thôn mới đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2019.

b) Nội dung thực hiện:

- Về phổ cập giáo dục, tiếp tục học trung học (phân luồng học sinh, vận động học nghề, vận động học sinh bỏ học tiếp tục học,...).

- Khảo sát nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, hộ gia đình trong xã để giới thiệu việc làm cho lao động đã qua đào tạo. Khi giới thiệu hướng dẫn học nghề phải xác định nơi làm việc sau khi hoàn thành.

- Xóa mù chữ độ tuổi 15 đến 60 tuổi: Rà soát, khảo sát những người không biết chữ trong độ tuổi 15 đến 60 tuổi để phân công đoàn viên, giáo viên tổ chức phổ cập hướng dẫn cho từng người phù hợp với điều kiện thực tế của người học.

- Nâng cao chất lượng Trung tâm học tập cộng đồng (có hoạt động bình quân ít nhất 08 lần/tháng): Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng.

* Phân công quản lý và thực hiện:

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức triển khai thực hiện.

4.2 Y tế (Tiêu chí số 15)

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu theo tiêu chí số 15 theo Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020 vào năm 2019.

b) Nội dung thực hiện:

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Trạm y tế xã đã được đầu tư, xây dựng bổ sung trang thiết bị y tế phục vụ việc khám chữa bệnh cho người dân và sửa chữa trần thạch cao trạm y tế do xuống cấp.

- Tỷ lệ người tham gia các hình thức bảo hiểm đạt $\geq 95\%$: Vận động nhân dân tham gia Bảo hiểm y tế (BHYT) tự nguyện. Khảo sát, rà soát lập danh sách các trường hợp tham gia BHYT.

- Tỷ lệ người dân khám chữa bệnh thường xuyên, tiêm chủng dự phòng tại Trạm y tế xã tăng bình quân mỗi năm 10%: Vận động nhân dân tham gia khám chữa bệnh thường xuyên tại Trạm y tế xã;

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 14,3\%$: Tổ chức tuyên truyền phổ biến, tư vấn, hướng dẫn người mẹ khi mang thai về chế độ dinh dưỡng ăn uống để đảm bảo sức khỏe cho trẻ, chế độ dinh dưỡng chăm sóc trẻ để không bị suy dinh dưỡng; vận động hỗ trợ kinh phí để chăm lo cho trẻ em nghèo được chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng đảm bảo,....

* Phân công quản lý và thực hiện:

Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức triển khai thực hiện.

4.3 Văn hóa (Tiêu chí số 16)

a) Mục tiêu: Duy trì và nâng chất tiêu chí số 16 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 đã đạt vào năm 2016.

b) Nội dung thực hiện:

- Phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tạo điều kiện để người dân nông thôn tham gia xây dựng, hưởng thụ đời sống văn hóa, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho trẻ em. Xây dựng cơ chế chính sách, quy chế về quản lý và hoạt động các thiết chế văn hóa để phát huy hiệu quả công năng cơ sở vật chất đã được đầu tư.

- Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn áp văn hóa trên 70%, gia đình văn hóa, gương người tốt việc tốt tiếp tục giữ vững và vượt theo chỉ tiêu hàng năm, áp có trên 85% số hộ đạt gia đình văn hóa, hàng năm có từ 10 đến 15 gương người tốt việc tốt được biểu dương ở ấp.

- Xây dựng các chỉ tiêu về hoạt động văn hóa, thể thao đối với xã, hàng năm có 80% số cơ quan, đơn vị tại địa bàn đạt tiêu chuẩn công sở văn minh sạch đẹp an toàn, đơn vị văn hóa; các hộ dân thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội đạt 85%; người dân tham gia các hoạt động văn nghệ đạt 20%; người dân tham gia hoạt động thể dục thể thao thường xuyên đạt 25%.

- Hỗ trợ kinh phí để duy trì hoạt động của các câu lạc bộ đờn ca tài tử; các câu lạc bộ thể dục thể thao định kỳ hàng tháng, hàng quý tổ chức giao lưu, thi đấu thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ,...

*** Phân công quản lý và thực hiện:**

Giao Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức triển khai thực hiện.

4.4 Môi trường và An toàn thực phẩm (Tiêu chí số 17)

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 vào năm 2018.

b) Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 100%;

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất - kinh doanh, chăn nuôi, làng nghề đạt tiêu chuẩn về môi trường đạt 100%.

- Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Nghĩa trang đã được quy hoạch cần cải tạo cảnh quan và quản lý tốt tại địa phương.

- Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định.
- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 90\%$;
- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 80%.
- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm đạt 100%.

* Phân công quản lý và thực hiện:

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức triển khai thực hiện.

5. Hệ thống chính trị

5.1 Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (Tiêu chí số 18)

a) Mục tiêu: Duy trì và nâng chất tiêu chí số 18 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 đạt vào năm 2016.

b) Nội dung thực hiện:

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; đổi mới phương pháp triển khai Nghị quyết cũng như học tập Nghị quyết nhằm động viên, thuyết phục được người nghe.

- Rà soát trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức xã. Tạo điều kiện cho công chức học tập bổ sung trình độ chuyên môn theo chức danh phân công. Đến năm 2020, đảm bảo tất cả công chức phải đạt chuẩn theo quy định (kể cả chức danh Chủ tịch Hội Cựu chiến binh); thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức không đạt chuẩn theo quy định;

- Phân công 01 công chức xã phụ trách xây dựng nông thôn mới. Tạo điều kiện cho công chức tham gia các lớp bồi dưỡng về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách có tinh thần trách nhiệm, vững về chuyên môn nghiệp vụ, trong sáng về đạo đức lối sống, không cửa quyền, hách dịch, nhũn nhũn, xa dân và phải thật sự là công bộc của nhân dân.

- Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong xây dựng nông thôn mới, xây dựng lực lượng nòng cốt thực chất trong đoàn viên, hội viên làm tốt công tác tuyên

truyền, vận động nhân dân tham gia các phong trào trong xây dựng nông thôn mới.

- Thường xuyên giáo dục truyền thống cách mạng của xã cho lực lượng đoàn viên, thanh niên trong trường học và địa bàn dân cư; đẩy mạnh việc học tập và làm theo “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” để đi vào chiều sâu, chủ động ngăn ngừa, đấu tranh, phê phán các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống trong một số cán bộ, đảng viên.

- Triển khai thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

* Phân công quản lý và thực hiện:

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với phối hợp với các Sở - ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức triển khai thực hiện.

5.2 Quốc phòng và An ninh (Tiêu chí số 19)

a) Mục tiêu: Duy trì và nâng chất tiêu chí số 19 trong Bộ tiêu chí đặc thù vùng nông thôn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020 đạt vào năm 2016.

b) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng. Tổ chức rà soát, củng cố và kiện toàn lực lượng dân quân đảm bảo các yêu cầu theo quy định. Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch nhằm hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng hàng năm.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, công tác dân tộc, công tác tôn giáo trong tình hình mới; xác định công tác vận động nhân dân là của cả hệ thống chính trị từ xã đến ấp; thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Thành ủy, Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo đấu tranh phòng, chống tội phạm; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật cho nhân dân, nhất là Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ và Pháp lệnh dự bị động viên, xây dựng quy chế phối hợp giữa các ngành đoàn thể với công an, quân sự.

* Phân công quản lý và thực hiện:

Giao Công an thành phố chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành có liên quan, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Ban Quản lý xây dựng

nông thôn mới xã Nhơn Đức triển khai thực hiện.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng nguồn vốn thực hiện Đề án nâng cao chất lượng thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè là 280.213 triệu đồng, gồm:

1.1 Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 75.713 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 27,02%).

1.2 Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 204.500 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 72,98%).

2. Nguồn vốn

2.1 Vốn từ ngân sách thành phố: 63.344 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 22,61%). Trong đó:

+ Vốn nông thôn mới: 63.344 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 22,61%).

+ Vốn lồng ghép: Không có.

* Vốn ngân sách tập trung: Không có.

* Vốn huyện : Không có.

* Vốn sự nghiệp: bố trí chi thường xuyên hàng năm của các Sở - ngành và huyện.

2.2. Vốn nhân dân - cộng đồng, doanh nghiệp, tín dụng: 186.369 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 76,85%), chia ra:

+ Vốn huy động từ dân và cộng đồng: 150.769 triệu đồng;

+ Vốn doanh nghiệp: 35.600 triệu đồng.

2.3. Vốn tín dụng: 30.500 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 10,88%).

2.4. Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề án: Từ thời điểm phê duyệt đến năm 2020.

2. Quy mô và khối lượng thực hiện: theo các biểu đính kèm.

3. Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ

- Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

3.1 Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn

- Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Thực hiện Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Thực hiện Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Thực hiện Nghị định số 161/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Thực hiện Quyết định số 6182/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới theo đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020;

- Thực hiện Quyết định số 6183/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Thực hiện Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Thực hiện Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

- Thực hiện Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

- Thực hiện Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

3.2 Quản lý đầu tư và xây dựng:

- Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Thực hiện Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Thực hiện Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2020 và Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cơ chế quản lý đầu tư xây dựng, quản lý nguồn vốn đầu tư tại các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2020, ban hành kèm theo Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố;

- Thực hiện Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố, ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020 và Quyết định số 3558/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020 theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Phân công thực hiện:

4.1 Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức, Ban Chi

đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nhà Bè và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức:

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, đảng viên, cán bộ công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và Thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban Chỉ đạo của Thành ủy về Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Trong quá trình triển khai các công trình, dự án có nguồn vốn huy động ngoài ngân sách thì phải thực hiện xong nội dung huy động đóng góp mới bắt đầu khởi công triển khai công trình, dự án.

- Khi triển khai các công trình, dự án theo Đề án được phê duyệt, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh chỉ đạo chủ đầu tư và các phòng, ban chuyên môn thuộc huyện thực hiện các nội dung trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư như sau:

+ Đối với đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng: phải đảm bảo thực hiện theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch phát triển hạ tầng - kỹ thuật, phát triển kinh tế - xã đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đối với công trình Trung tâm văn hóa xã: việc đầu tư phải thực hiện theo Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 của quy chế mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 của quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn.

+ Đối với công trình giao thông: khảo sát, đánh giá địa hình, địa chất thủy văn và lưu vực dọc tuyến để thiết kế hệ thống thoát nước cho phù hợp.

- Phân công các phòng ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2016 - 2020, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo

đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

4.2 Các Sở - ngành là thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố:

- Phân công cán bộ công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và Thành phố do Sở - ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Nhà Bè và xã Nhơn Đức; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt, thực hiện cấm mốc chỉ giới.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2016 - 2020), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Nhơn Đức.

- Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố cân đối nguồn vốn để đảm bảo đầu tư theo kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước, các Sở - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn xã Nhơn Đức.

4.3 Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí đặc thù vùng nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh về nông thôn mới trên địa bàn

xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình của Thành ủy xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

BIỂU 1:
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ NHƠN ĐỨC - HUYỆN NHÀ BÈ
GIẢI ĐOẠN 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6262/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	TÊN TIÊU CHÍ	HIỆN TRẠNG NĂM 2016	NĂM 2017	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020
1	Quy hoạch			Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông			Đạt	Đạt	Đạt
3	Thủy lợi		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
5	Trường học				Đạt	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa			Đạt	Đạt	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
10	Thu nhập					Đạt
11	Hộ nghèo				Đạt	Đạt
12	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động				Đạt	Đạt
13	Hình thức tổ chức sản xuất			Đạt	Đạt	Đạt
14	Giáo dục				Đạt	Đạt
15	Y tế				Đạt	Đạt
16	Văn hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường			Đạt	Đạt	Đạt
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	An ninh trật tự xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
TỔNG CỘNG		6/19	8/19	13/19	18/19	19/19

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

BIỂU 2:
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ MỤC TIÊU THỰC HIỆN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TIÊU CHÍ
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ NHƠN ĐỨC, HUYỆN NHÀ BÈ
GIẢI ĐOẠN 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6262/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chung cả nước	Đông Nam bộ	TP.HCM	Hiện trạng 2016	Dự kiến kết quả thực hiện nâng chất tiêu chí						
							Tỷ lệ %	So với tiêu chí	Kế hoạch phát triển %				
									2016	2017	2018	2019	2020
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt (chưa thực hiện cắm mốc chỉ giới)	50%	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được bê tông hóa đạt chuẩn	100%	100%	100%	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường trục ấp, liên ấp, trục tổ được nhựa hóa hay bê tông xi măng	70%	100%	100%	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	100%	Đạt	Đạt
		2.3. Tỷ lệ km đường tổ, hẻm được nhựa hóa hay bê tông xi măng	100%	100% cứng hóa	100%	Chưa đạt (còn 01 tuyến cần đầu tư)	90.75%	Chưa đạt	0%	Chưa đạt	Nâng cấp mở rộng 01 tuyến đường	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chung cả nước	Đông Nam bộ	TP.HCM	Hiện trạng 2016	Dự kiến kết quả thực hiện nâng chất tiêu chí						
							Tỷ lệ %	So với tiêu chí	Kế hoạch phát triển %				
									2016	2017	2018	2019	2020
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cấp phối xe cơ giới đi lại thuận tiện	65%	100%	100%	Chưa đạt (còn 01 tuyến cần đầu tư)	0%	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đầu tư nâng cấp 01 tuyến đường	Đạt	Đạt
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100%	Đạt	0%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	91,95%	Chưa đạt	Chưa đạt	Cần thực hiện nạo vét 6 tuyến rạch bị bồi lắng,	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	98%	99%	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	100%	100%	100%	100%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	80%	100%	100%	Chưa đạt	75%	Chưa đạt (3/4 trường)	100%	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chung cả nước	Đông Nam bộ	TP.HCM	Hiện trạng 2016	Dự kiến kết quả thực hiện nâng chất tiêu chí						
							Tỷ lệ %	So với tiêu chí	Kế hoạch phát triển %				
									2016	2017	2018	2019	2020
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt (xã có điểm vui chơi nhưng thiếu trang thiết bị)	75%	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%	Chưa đạt	75%	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không	Không	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng.	80%	90%	98%	13/3.799 căn (99,7%)	99,7%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chung cả nước	Đông Nam bộ	TP.HCM	Hiện trạng 2016	Dự kiến kết quả thực hiện nâng chất tiêu chí						
							Tỷ lệ %	So với tiêu chí	Kế hoạch phát triển %				
									2016	2017	2018	2019	2020
		14.3. Tỷ lệ LĐ qua đào tạo	> 35%	> 40%	85%	3.127/ 4.134 lao động (chiếm 75,64%), trong đó lao động nữ 1.548/3.127 lao động (chiếm 49,50%)	85%	Chưa đạt	75%	80%	82%	85% Đạt	Đạt
		14.4. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.			Đạt	100%	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.5. Xóa mù chữ			Đạt	100% cho trẻ 5 tuổi	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.6. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥ 40%	≥45%	≥ 80%	Tỷ lệ LĐ có việc làm qua đào tạo đạt 78,76%; trong đó LĐ nữ chiếm 49,27%	78,76%	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥85%	Đạt	≥95%	12.430/14.030 người (88,6%)	88%	Chưa đạt	88 %	90%	93%	95%	Đạt
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đạt	Đạt	Đạt	Có 01 trạm y tế xã đạt chuẩn	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤21,8%	≤14,3%	≤14,3%	0,5%	99,5%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chung cả nước	Đông Nam bộ	TP.HCM	Hiện trạng 2016	Dự kiến kết quả thực hiện nâng chất tiêu chí						
							Tỷ lệ %	So với tiêu chí	Kế hoạch phát triển %				
									2016	2017	2018	2019	2020
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn (ấp) trở lên đạt tiêu chuẩn thôn (ấp) VH theo quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.	Đạt	Đạt	Đạt	4/4 ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa (100%) Xã được công nhận xã văn hóa Nông thôn mới	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	85%	90%	100%	100% hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường. Các làng nghề đạt tiêu chuẩn về môi trường.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.3. Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥85%	≥90%	≥90%	98%	98%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥70%	≥80%	≥80%	68/68 (100%) hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chung cả nước	Đông Nam bộ	TP.HCM	Hiện trạng 2016	Dự kiến kết quả thực hiện nâng chất tiêu chí						
							Tỷ lệ %	So với tiêu chí	Kế hoạch phát triển %				
									2016	2017	2018	2019	2020
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	100%	6/19 cơ sở được công nhận đạt chuẩn	31,5%	Chưa đạt	31,5	52%	100%	Đạt	Đạt
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn; Có công chức xã chuyên trách về xây dựng nông thôn mới	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ xã hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.4. Chính quyền xã đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.5. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt danh hiệu tiên tiến	100%	100%	100%	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.7. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	An ninh, trật tự	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chung cả nước	Đông Nam bộ	TP.HCM	Hiện trạng 2016	Dự kiến kết quả thực hiện nâng chất tiêu chí						
							Tỷ lệ %	So với tiêu chí	Kế hoạch phát triển %				
									2016	2017	2018	2019	2020
		thành các chỉ tiêu quốc phòng											
	xã hội	19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

BIỂU 3:
DỰ KIẾN KINH PHÍ ĐẦU TƯ VÀ PHÂN BỐ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN
ĐỀ ÁN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI XÃ NHƠN ĐỨC, HUYỆN NHÀ BÈ
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6262/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tiêu chí	Nội dung thực hiện	ĐVT	Số lượng	Tổng	Chia theo nguồn vốn					Tổng vốn	Ghi chú	
						Vốn ngân sách			Dân	Doanh nghiệp			Tín dụng
						NTM	Vốn lồng ghép						
				Vốn huyện	Sự nghiệp								
TỔNG CỘNG					63.344	63.344			150.769	35.600	30.500	280.213	
Tỷ lệ (100%)					22,61			53,81	12,70	10,88			
I	QUY HOẠCH												
1	Quy hoạch	Cắm mốc chỉ giới	Bản đồ	1									
II	HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI				63.344	63.344			10.869	1.500		75.713	
2	Giao thông	Tổng		1.654	25.703	25.703			9.319			35.022	
		Đường trục xã, liên xã	m										
		Đường trục ấp, liên ấp, trục tổ	m										

		Đường tổ, hẻm	m	804	15.758	15.758			8.044			23.802
		Đường nội đồng	m	850	9.945	9.945			1.275			11.220
3	Thủy lợi	Tổng	m	2.575	9.441	9.441						9.441
		Nạo vét rạch	m	2.575	9.441	9.441						9.441
4	Điện	Tổng							500	500		1.000
		Lắp đặt hệ thống chiếu sáng các tuyến đường và an toàn lưới điện	công trình	1					500	500		1.000
5	Trường học	Tổng		3	26.200	26.200						26.200
		Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Lê Văn Lương (cơ sở 1)	trường	1	15.000	15.000						15.000
		Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Lê Văn Lương (cơ sở 2)	trường	1	7.000	7.000						7.000
		Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Lê Lợi	trường	1	4.200	4.200						4.200
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Tổng			2.000	2.000						2.000
		Trung tâm văn hóa xã	trung tâm	1	2.000	2.000						2.000
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Tổng							200	1.000		1.200
		Mở cửa hàng tiện ích bình ổn giá	cái	1					200	1.000		1.200
8	Thông tin truyền thông	Tổng							200			200

		Khuyến khích mở các điểm bưu chính viễn các điểm truy cập internet; nâng cấp, duy tu và sửa chữa đài truyền thanh xã và hệ thống loa truyền thanh đến các ấp	công trình	1					200			200	
9	Nhà ở dân cư	Tổng							650			650	
		Sửa chữa, nâng cấp 13 căn nhà chưa đạt chuẩn 3 cứng	căn	13					650			650	
KINH TẾ-TỔ CHỨC SẢN XUẤT			triệu đồng						136.000	25.500	30.500	192.000	
10	Thu nhập	Tổng							120.000	20.000	25.000	165.000	
		Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập; đưa diện tích đất tạm ngưng vào sản xuất nuôi trồng thủy sản, phát triển nông nghiệp công nghệ cao	triệu đồng						120.000	20.000	25.000	165.000	
11	Hộ nghèo	Tổng							5.000		4.000	9.000	
		- Hỗ trợ công cụ sản xuất cho hộ nghèo; - Hỗ trợ vốn vay lãi suất ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; - Hỗ trợ vốn cho hộ nghèo đặc biệt khó khăn;	triệu đồng						5.000		4.000	9.000	
12	Lao động có việc làm	Tổng							1.000	3.000		4.000	
		Đào tạo nghề kết hợp với giới thiệu việc làm cho lực lượng lao động	triệu đồng						1.000	3.000		4.000	

		Tổng							10.000	2.500	1.500	14.000	
13	Tổ chức sản xuất	Bồi dưỡng, đào tạo, hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ của các tổ chức kinh tế	triệu đồng						10.000	2.500	1.500	14.000	
IV	VĂN HOÁ XÃ HỘI – MÔI TRƯỜNG								3.400	8.600		12.000	
		Tổng							600	600		1.200	
14	Giáo dục và Đào tạo	Xây dựng các chương trình như tập huấn khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ, cấp chứng chỉ nghề cho lao động	triệu đồng						600	600		1.200	
		Tổng							1.000	2.000		3.000	
15	Y tế	Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; khuyến khích người dân tham gia bảo hiểm y tế	triệu đồng						1.000	2.000		3.000	
		Tổng							800			800	
16	Văn hóa	Xây dựng các chỉ tiêu về hoạt động văn hóa, thể thao	triệu đồng						800			800	
17	Môi trường	Tổng							1.000	6.000		7.000	

	và An toàn thực phẩm	Củng cố các tổ thu gom và xử lý rác: + Cải tạo, nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước trong ấp, tổ nhân dân; + Đầu tư xây dựng và quản lý nghĩa trang theo quy hoạch; + Trồng cây xanh các tuyến đường, trường học, cơ quan. + Vận động dân tham gia các hội thi bảo vệ môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm	triệu đồng							1.000	6.000		7.000	
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ									500			500	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Tổng Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức xã đạt chuẩn để đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới												
19	Quốc phòng và An ninh	Tổng Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng								500			500	
										500			500	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

BIỂU 4:
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, XÃ NHƠN ĐỨC - HUYỆN NHÀ BÈ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 6262/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Tên dự án	Địa điểm (ấp)	Hiện trạng			Đầu tư			Kinh phí thực hiện (triệu đồng)					Ghi chú		
									Tổng	NTM	Lồng ghép		Dân		Doanh nghiệp	
											Vốn huyện	Sự nghiệp		Tỷ lệ đóng góp		
TỔNG CỘNG									63.344				10.969	2.000	76.313	
I	GIAO THÔNG		1.654			1.654			25.703	25.703			9.319		35.022	
<i>1</i>	<i>Đường tổ, hẻm</i>		804			804			15.758	15.758			8.044		23.802	
1.1	Nâng cấp hẻm Xóm Đáy	1	804	2-3	Mặt đường trải đá dăm và đan BTCT	804	6	Mặt đường Bê tông xi măng 5m + Lề 0,5m x 2 + Hệ thống thoát nước	15.758	15.758			8.044		23.802	Dân hiến đất 100%
2	<i>Đường nội đồng</i>		850			850			9.945	9.945			1.275		11.220	
2.1	Nâng cấp đường nội đồng số 6	3	850	2,5-6	Mặt đường đất + đan ê tông xi măng	850	4,5	Mặt đường Bê tông xi măng 3,5m + Lề 0,5m x 2	9.945	9.945			1.275		11.220	Dân hiến đất 100%

II	THỦY LỢI		2.575			2.575			9.441	9.441					9.441	
1	Nạo vét rạch rạch cống số 2 hẻm 15	2	410	6	lòng rạch rộng 3-4m	410	6	Nạo vét rạch, đóng cừ tràm gia cố 02 bờ khơi thông dòng chảy	1.503	1.503					1.503	
2	Nạo vét rạch rạch Cầu Đạo	2	870	6	lòng rạch rộng 3-4m	870	6	Nạo vét rạch, đóng cừ tràm gia cố 02 bờ khơi thông dòng chảy	3.190	3.190					3.190	
3	Rạch nhánh sông Rạch Tôm (Hẻm 06)	3	510	6	lòng rạch rộng 3-4m	510	6	Nạo vét rạch, đóng cừ tràm gia cố 02 bờ khơi thông dòng chảy	1.870	1.870					1.870	
4	Nạo vét rạch rạch hẻm 01	3	130	5	lòng rạch rộng 3-4m	130	5	Nạo vét rạch, đóng cừ tràm gia cố 02 bờ khơi thông dòng chảy	477	477					477	
5	Nạo vét rạch rạch Bà Nãi	4	560	6	lòng rạch rộng 3-4m	560	6	Nạo vét rạch, đóng cừ tràm gia cố 02 bờ khơi thông dòng chảy	2.053	2.053					2.053	
6	Nạo vét rạch rạch văn phòng	4	95	3	lòng rạch rộng 3-4m	95	3	Nạo vét rạch, đóng cừ tràm gia cố 02 bờ khơi thông dòng chảy	348	348					348	
III	TRƯỜNG HỌC								26.200	26.200					26.200	

1	Trường tiểu học Lê Văn Lương cơ sở 1	4	<p>Cơ sở 1: 16 Phòng học, 5 Phòng chức năng, 6 phòng làm việc, khu vệ sinh 9 phòng; 615 học sinh</p> <p>Tổng diện tích 3514,5 m², Cơ sở vật chất bị xuống cấp.</p> <p>Sân nền hệ thống thoát nước xuống cấp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa, cải tạo. - Xây mới nhà ăn, sân tập TDTT. - Cải tạo lại hệ thống điện chiếu sáng - Xây lại tường rào, hành lang công trường. - Xây mới hệ thống thoát nước cho đảm bảo. - Cung cấp trang thiết bị theo yêu cầu. 	15.000	15.000				15.000		
2	Trường tiểu học Lê Văn Lương cơ sở 2	3	<p>Cơ sở 2: Tiếp nhận cơ sở vật chất từ trường mầm non Hương Dương cũ; do đó quy cách khu vệ sinh, bàn ghế.. không phù hợp với cấp Tiểu học.</p> <p>Quy mô 9 Phòng học, 1 phòng chức năng, khu vệ sinh 3 phòng, phòng ăn 1, Kho 1</p> <p>Tổng diện tích 2490,4 m², Cơ sở vật chất bị xuống cấp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa, cải tạo; sơn nước, chống dột, chống thấm, thay trần thạch cao các phòng. - Xây mới hệ thống thoát nước cho đảm bảo. - Cải tạo lại hệ thống điện chiếu sáng. - Cải tạo lại các nhà vệ sinh, bếp + nhà ăn. - Cung cấp trang thiết bị theo yêu cầu. 	7.000	7.000				7.000		
3	Trường tiểu học Lê Lợi	ấp 2	<p>Diện tích 8.635 m², số học sinh 628 em, 21 phòng học, 20 phòng chức năng, cơ sở vật chất bị xuống cấp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung bàn ghế kết hợp giường nghỉ trưa cho học sinh - Trang bị ghế hội trường và hệ thống âm thanh cho hội trường - Sửa chữa lại hệ thống điện, trang bị thêm quạt và đèn - Chống dột nhà vệ sinh, nhà đa năng - Đầu tư hệ thống van ngăn triều chống ngập cục bộ cho sân trường 	4.200	4.200				4.200		
IV	Y TẾ								1.000	2.000	3.000	

1	Trạm y tế	ấp 2	Thiếu trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh cho người dân; trần thạch cao bị hư						1.000	2.000	3.000		
V	CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA				2.000	2.000						2.000	
1	Trung tâm văn hóa xã Nhơn Đức	ấp 3	Sân nền bị sụp lún ngay vị trí tiếp giáp bậc tam cấp vào khối nhà thi đấu, sân ngoài trời bị thấp và ngập khi triều cường, trần thạch cao bị hỏng khoảng 40%	Sửa chữa , cải tạo bậc tam cấp ngay vị trí lối vào nhà thi đấu đa năng; xây dựng hệ thống ngăn triều bằng giếng thu và van một chiều, xây gờ chặn nước khuôn viên tiếp giáp đường chính.	2.000	2.000						2.000	
VI	NHÀ Ở DÂN CƯ								650			650	
1	Nhà ở dân cư		Sửa chữa 13 căn chưa đạt chuẩn 3 cứng	Xóa 13 căn chưa đạt chuẩn 3 cứng					650			650	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

BIỂU 5:
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ CHUYỂN DỊCH LAO ĐỘNG
NÔNG NGHIỆP XÃ NHƠN ĐỨC, HUYỆN NHÀ BÈ
GIẢI ĐOẠN 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6262/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Ngành nghề	Hiện trạng 2016		Định hướng 2020	
		Lao động	Quy mô (ha)	Lao động	Quy mô (ha)
I. NÔNG NGHIỆP					
1	Trồng trọt	15	6	-	-
2	Chăn nuôi	154	-	50	-
3	Nuôi trồng thủy sản	182	163	100	-
II. TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ					
1	Máy công nghiệp	550	-	1050	-
2	Nấu ăn	48	-	190	-
3	Làm bánh	22	-	40	-
4	Trang điểm, cắt uốn tóc	73	-	140	-
6	Lái xe B2	75	-	300	-

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số lao động	8.500	8.580	8.660	8.740	8.820
Lao động nông nghiệp	613	606	599	593	587
Tỷ lệ (%)	7,21	7,06	6,92	6,78	6,66

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6279/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại,
y tế nguy hại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải y tế;

Căn cứ Quyết định số 5927/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X về Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10051/TTr-STNMT-CTR ngày 29 tháng 9 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế nguy hại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc thành phố căn cứ nội dung Kế hoạch này để xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Vĩnh Tuyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, Chất thải y tế nguy hại trên địa bàn thành phố

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 6279/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Cơ sở pháp lý

Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu (*sau đây gọi tắt là Nghị định 38*).

Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn giai đoạn 2011 - 2020.

Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại (*sau đây gọi tắt là Thông tư 36*).

Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải y tế (*sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch 58*).

Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X về Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2016-2020.

II. Tổng quan hiện trạng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế nguy hại trên địa bàn thành phố

1. Đối với chất thải nguy hại (*viết tắt là CTNH*)

1.1. Nguồn phát sinh CTNH

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước là đầu mối giao lưu quốc tế, trung tâm công nghiệp, dịch vụ đa lĩnh vực của khu vực và

Đông Nam Á. Hoạt động công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh khá đa dạng về các ngành nghề sản xuất kinh doanh, dịch vụ chỉ tính riêng ngành sản xuất thành phố hiện có khoảng 10.000 - 12.000 cơ sở công nghiệp sản xuất (trong đó: 2.000 - 2.200 cơ sở lớn và 9.000 - 10.000 cơ sở sản xuất vừa và nhỏ), nếu tính trên tổng thể thành phố có trên 31.000 cơ sở hoạt động mang tính chất thương mại, dịch vụ và sản xuất. Các cơ sở sản xuất công nghiệp được phân bố trong và ngoài 15 Khu công nghiệp tập trung, 03 Khu chế xuất, 01 Khu công nghệ cao và 33 Cụm công nghiệp.

Thống kê từ năm 2011 đến năm 2015, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp 4.262 Sổ đăng ký Chủ nguồn thải CTNH. Như vậy, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh số lượng CTNH thấp hơn 600 kg/năm chiếm tỷ lệ cao. Đây là các Chủ nguồn thải không phải thực hiện thủ tục lập hồ sơ đăng ký, để được cấp sổ đăng ký Chủ nguồn thải CTNH mà chỉ đăng ký bằng báo cáo quản lý CTNH định kỳ.

Bảng 1. Số lượng Sổ đăng ký Chủ nguồn thải CTNH cấp từ năm 2011 - 2015

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng số
Số lượng Sổ Chủ nguồn thải CTNH	906	1.161	1.292	1.067	742	4.262

Với tốc độ tăng trưởng công nghiệp khoảng 12 - 14% năm, khối lượng chất thải rắn công nghiệp, CTNH phát sinh khoảng 1.500 đến 2.000 tấn/ngày, trong đó CTNH thống kê từ năm 2011 đến năm 2015 như sau:

Bảng 2. Khối lượng CTNH phát sinh năm 2011 - 2015

Năm	2011	2012	2013	2014	2015
Khối lượng CTNH (tấn/ngày)	250	300	320	350	400

Ngoài ra, CTNH còn phát sinh trong sinh hoạt hàng ngày của Hộ gia đình như: bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy, đồ dùng điện tử, chai xịt côn trùng,.. Tuy nhiên, các văn bản pháp lý hiện hành chưa quy định bắt buộc Hộ gia đình phải thực hiện phân loại, chuyển CTNH xử lý đúng theo quy định. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai Chương trình “Tuần lễ thu gom CTNH hộ gia đình” nhằm tạo nhận thức cho người dân trong việc phân loại, chuyển CTNH xử lý đúng theo quy định. Tuy nhiên, tuần suất thực hiện trong năm chưa nhiều và quận-huyện chưa bố trí điểm thu gom CTNH phát sinh từ hộ gia đình.

Dự báo khối lượng CTNH phát sinh: Theo tính toán dựa trên tốc độ phát triển kinh tế và công nghiệp, dự báo đến năm 2020 có khoảng 700 tấn/ngày CTNH phát sinh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và đến năm 2025 phát sinh khoảng 1.000 tấn/ngày.

1.2. Thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH

Công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH được xã hội hóa hoàn toàn, hầu hết là Công ty tư nhân thực hiện. Thành phố hiện có hơn 30 đại lý thu gom, vận chuyển CTNH và 12 cơ sở được cấp phép xử lý CTNH, tổng công suất tiếp nhận xử lý CTNH của các cơ sở xử lý CTNH là 251 tấn/ngày. Các cơ sở xử lý CTNH này hoạt động riêng lẻ, có quy mô nhỏ, địa điểm hoạt động trong khu dân cư, Khu công nghiệp.

Công suất của các Nhà máy này không chỉ phục vụ nhu cầu xử lý CTNH cho các Chủ nguồn thải trên địa bàn thành phố mà còn tiếp nhận xử lý CTNH của các chủ nguồn thải của các tỉnh khác, để xử lý như tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh,.... Ngoài ra, một phần CTNH phát sinh trên địa bàn thành phố còn được các Công ty hành nghề vận chuyển, xử lý CTNH của các tỉnh thành khác đến thu gom về tỉnh để xử lý.

1.3. Nhận xét - Đánh giá

Trong thời gian qua, công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH trên địa bàn thành phố đã dần đi vào ổn định. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề tồn tại như sau:

- Chưa tạo mối liên kết giữa Chủ nguồn thải CTNH với đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH đặc biệt đối với Chủ nguồn thải có phát sinh khối lượng CTNH thấp hơn 600kg/năm. Các Chủ nguồn thải CTNH này thường gặp khó khăn trong việc ký hợp đồng chuyển giao CTNH với đơn vị có chức năng, để thu gom, xử lý CTNH do đơn giá thu gom, vận chuyển xử lý CTNH quá cao chưa phù hợp với khối lượng CTNH phát sinh thấp. Thành phố chưa tạo hệ thống thu gom CTNH, để kết nối giữa chủ nguồn thải CTNH với đơn vị hành nghề quản lý CTNH hoặc chủ xử lý CTNH, nhằm đảm bảo toàn bộ CTNH phát sinh được thu gom, xử lý đúng quy định.

- Tỷ lệ báo cáo quản lý CTNH của Chủ nguồn thải CTNH còn thấp, dao động khoảng 2.000 chủ nguồn thải so với hơn 100.000 chủ nguồn thải đang hoạt động hiện nay, dẫn đến khó khăn trong công tác thống kê đầy đủ số liệu về CTNH phát sinh, chuyển giao, xử lý theo quy định.

- Chưa có cơ chế phối hợp, để quản lý toàn bộ các đối tượng có phát sinh CTNH

giữa Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận-huyện, Ban Quản lý Các khu chế xuất và công nghiệp thành phố.

- Nhân sự trực tiếp quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường còn mỏng và thiếu.

Do đó, căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa, ngân sách thành phố và chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2016 và Khoản 1, Điều 24 Thông tư 36, cần thiết phải xây dựng Kế hoạch tăng cường thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối với chất thải y tế nguy hại (viết tắt CTYTNH)

2.1. Nguồn phát sinh CTYTNH

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có 32 bệnh viện đa khoa thuộc ngành y tế thành phố; 12 bệnh viện thuộc bộ, ngành; 23 bệnh viện quận-huyện; 47 bệnh viện tư nhân; 196 phòng khám đa khoa tư nhân; 319 trạm y tế; 219 phòng khám bác sĩ gia đình và 5.663 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân đã được cấp phép (Nguồn: *Sở Y tế, 2016*).

Theo thống kê từ năm 2011 đến năm 2016, khối lượng CTYTNH trên địa bàn thành phố được thu gom, xử lý như sau:

Bảng 3. Khối lượng CTYTNH được thu gom, xử lý từ năm 2011 - 2016

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Khối lượng CTYTNH (tấn/ngày)	12,37	14,15	15,16	15,09	17,81	22,2

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị, 2011-2016)

Dự báo khối lượng CTYTNH phát sinh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 khoảng 30 tấn/ngày và đến năm 2025 phát sinh khoảng 50 tấn/ngày.

2.2. Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH

a) Công tác thu gom, vận chuyển CTYTNH trên địa bàn thành phố hiện nay do 02 nhóm đơn vị thực hiện:

Trước đây, khi triển khai thực hiện quy định về quản lý CTNH của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT (nay được thay thế bằng Thông tư 36), thành phố gặp khó khăn, vướng mắc trong hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại. Vấn đề này, đã được Ủy ban nhân dân thành

phổ kiến nghị đến Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1687/UBND-ĐTMT ngày 22 tháng 4 năm 2014. Phản hồi kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đã có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 3623/VPCP-KGVX ngày 21 tháng 5 năm 2014, về quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố, trong đó “*Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chủ động thực hiện có hiệu quả các biện pháp tăng cường quản lý chất thải rắn y tế trên địa bàn thành phố phù hợp với quy định của luật và nghị định để tạo thuận lợi trong hoạt động thu gom, vận chuyển, bảo đảm vệ sinh môi trường và an toàn cho cộng đồng*”. Do đó, từ trước đến nay, công tác thu gom, vận chuyển CTYTNNH của thành phố được thực hiện một cách chủ động, cụ thể như sau:

Các Công ty TNHH MTV DVCI quận - huyện (trừ Công ty TNHH MTV DVCI huyện Cần Giờ, huyện Bình Chánh không triển khai thực hiện; quận Bình Tân và Tân Phú không có Công ty TNHH MTV DVCI): tổ chức mạng lưới thu gom CTYTNNH từ các cơ sở y tế nhỏ lẻ, chủ yếu là các cơ sở y tế tư nhân và đưa về trạm trung chuyển của Công ty TNHH MTV DVCI quận - huyện hoặc khu vực lưu giữ CTYTNNH của các bệnh viện quận - huyện. Đối với địa bàn huyện Cần Giờ, bệnh viện huyện Cần Giờ thực hiện công tác vận chuyển CTYTNNH phát sinh trên địa bàn huyện, tập trung về khu vực lưu giữ CTYTNNH của Trạm y tế xã Phú Xuân - huyện Nhà Bè.

Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị thành phố thực hiện thu gom tại các cơ sở y tế có quy mô lớn (các bệnh viện, cơ sở y tế có nhà lưu giữ...) và chịu trách nhiệm thu gom tại các điểm tập trung CTYTNNH do các Công ty TNHH MTV DVCI quận-huyện đưa đến và vận chuyển về nhà máy xử lý CTYTNNH của Công ty.

b) Phương tiện thu gom, vận chuyển, phân chia theo 02 nhóm thực hiện như sau:

Các Công ty TNHH MTV DVCI quận - huyện: sử dụng phương tiện thu gom chủ yếu là xe mô tô 02 bánh (trừ Công ty TNHH MTV DVCI huyện Củ Chi sử dụng xe ô tô tải), với phương tiện mô tô 02 bánh có thể đi sâu vào các con hẻm nhỏ, để lấy CTYTNNH. Tùy vào số lượng cơ sở y tế trên địa bàn quận-huyện mà mỗi Công ty TNHH MTV DVCI quận - huyện trang bị từ 01 đến 06 xe mô tô để thu gom CTYTNNH. Trên mỗi xe có trang bị thùng kín bằng nhựa composit hoặc inox có sức chứa từ 30-50kg, có khóa an toàn, nhằm đảm bảo CTYTNNH không rơi vãi trong quá trình vận chuyển. Riêng đối với huyện Cần Giờ thì Bệnh viện huyện Cần Giờ sử dụng phương tiện là xe cứu thương của bệnh viện, để vận chuyển CTYTNNH.

Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị thành phố: sử dụng phương tiện thu

gom là xe tải chuyên dụng cho việc thu gom, vận chuyển CTYTNH.

c) Điểm tập kết CTYTNH: được lựa chọn tại các trạm trung chuyển của Công ty TNHH MTV DVCI quận - huyện hoặc khu vực lưu giữ CTNH của các bệnh viện quận-huyện. Riêng Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị thành phố không có điểm tập kết CTYTNH và vận chuyển thẳng từ chủ nguồn thải hoặc điểm tập kết của quận - huyện về nhà máy xử lý.

Trên địa bàn thành phố hiện có 11 điểm tập kết CTYTNH nằm ngoài cơ sở y tế công lập (quận 1, 2, 3, 5, 6, 8, 10, 11, 12, Bình Thạnh, Phú Nhuận) và 09 điểm tập kết CTYTNH, nằm trong cơ sở y tế công lập (quận 4, 7, 9, Gò Vấp, Tân Bình, Thủ Đức, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè, Cần Giờ).

d) Công tác xử lý

Công tác xử lý CTYTNH phát sinh trên địa bàn thành phố do Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị thành phố thực hiện bằng công nghệ đốt tiêu hủy tại Nhà máy xử lý CTYTNH 07 tấn/ngày hoạt động tại Nghĩa trang Bình Hưng Hòa - quận Bình Tân và Nhà máy xử lý CTYTNH 21 tấn/ngày tại Công trường Đông Thạnh - huyện Hóc Môn, tro phát sinh sau khi đốt được chôn lấp an toàn, đảm bảo về môi trường.

2.3. Nhận xét - Đánh giá

Như vậy, hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH trên địa bàn thành phố được thực hiện từ trước đến nay theo mô hình tập trung. Hệ thống thu gom, vận chuyển CTYTNH đã đi vào ổn định, tương đối thuận lợi và có thể đi sâu trong các con hẻm nhỏ, để lấy CTYTNH mà vẫn đảm bảo được an toàn và vệ sinh môi trường. Khối lượng chất thải y tế phát sinh trên địa bàn thành phố trong nhiều năm qua được thu gom, xử lý triệt để, an toàn về môi trường và đảm bảo sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên, các đơn vị thu gom, vận chuyển hiện chưa có đầy đủ pháp lý (giấy phép hành nghề quản lý CTNH) thực hiện. Do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 23 Thông tư 36 và Khoản 1 Điều 22 Thông tư liên tịch 58, để chủ động thực hiện có hiệu quả công tác thu gom, vận chuyển chất thải y tế trên địa bàn thành phố, đảm bảo toàn bộ lượng CTYTNH phát sinh được thu gom, xử lý triệt để, cần thiết phải xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH trên địa bàn thành phố.

III. Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, CTYTNH trên địa bàn thành phố

1. Mục tiêu

- Tăng cường quản lý CTNH, CTYTNH trên địa bàn thành phố phù hợp với quy định pháp luật, để tạo thuận lợi trong hoạt động thu gom, vận chuyển đặc thù của thành phố, bảo đảm vệ sinh môi trường và an toàn cho cộng đồng.

- Kiểm soát thu gom, vận chuyển CTNH, CTYTNH trên địa bàn thành phố đảm bảo 100% CTNH, CTYTNH phát sinh được thu gom, vận chuyển và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

2. Yêu cầu

- Tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý CTNH, CTYTNH và phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố.

- CTNH, CTYTNH phải được thu gom, phân loại, lưu giữ và chuyên giao theo quy định.

3. Quản lý CTNH

3.1. Rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về nguồn thải CTNH phát sinh trên địa bàn quận - huyện

a) Tổ chức, cập nhật số liệu hàng năm.

b) Thực hiện điều tra, khảo sát, cơ sở dữ liệu về chủ nguồn thải CTNH, số lượng CTNH phát sinh, số lượng CTNH chuyên giao, lưu giữ tại các chủ nguồn thải có khối lượng CTNH phát sinh trên địa bàn thành phố.

3.2. Tổ chức hệ thống thu gom, vận chuyển CTNH trên địa bàn quận - huyện

a) Chủ nguồn thải CTNH phải có trách nhiệm ký hợp đồng chuyên giao CTNH với đơn vị hành nghề quản lý CTNH có giấy phép phù hợp theo Nghị định 38 và Thông tư 36.

b) Đối với chủ nguồn thải CTNH có phát sinh số lượng CTNH thấp (dưới 600kg/năm) chưa chuyên giao CTNH do chưa tìm được Chủ xử lý CTNH phù hợp, Chủ nguồn thải đăng ký với cơ quan quản lý tại địa phương là Ủy ban nhân dân quận-huyện hoặc Ban quản lý Khu, để được tổ chức thu gom, vận chuyển CTNH ít nhất 02 lần/năm. Kinh phí do chủ nguồn thải chi trả trên nguyên tắc tự thỏa thuận giữa chủ nguồn thải và chủ vận chuyển hoặc chủ xử lý CTNH.

3.3. Tăng cường xử phạt các hành vi quản lý CTNH không đúng quy định

Cập nhật danh sách và tiến hành xử phạt các chủ nguồn thải vi phạm hành

việc không thực hiện quản lý CTNH không đúng quy định của chủ nguồn thải bao gồm: không thực hiện đăng ký chủ nguồn thải CTNH (đối với các chủ nguồn thải phát sinh số lượng CTNH trên 600 kg/năm), không thực hiện báo cáo quản lý CTNH định kỳ hàng năm, không ký Hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý CTNH đúng quy định...

3.4. Tuyên truyền, hướng dẫn quản lý CTNH

a) Thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, truyền hình, đài phát thanh,...), hỗ trợ báo cáo viên cho các quận-huyện (khi quận-huyện có yêu cầu).

b) Tổ chức các buổi tập huấn để triển khai, phổ biến kiến thức về bảo vệ môi trường, về tác hại của CTNH đến môi trường, quy định về quản lý, chuyên giao, xử lý CTNH và chế tài xử lý các vi phạm liên quan đến CTNH.

4. Quản lý CTYTNH

4.1. Chủ nguồn thải CTYTNH

a) Thực hiện quản lý CTYTNH theo quy định tại Thông tư liên tịch 58 và các văn bản pháp luật liên quan khác.

b) Thực hiện Sổ giao nhận CTYTNH theo mẫu tại Phụ lục số 8 của Thông tư liên tịch 58, cụ thể cho các nhóm đối tượng thực hiện như sau:

- Các chủ nguồn thải là bệnh viện, cơ sở y tế dự phòng, cơ sở đào tạo và cơ sở nghiên cứu có thực hiện các xét nghiệm về y học: không phải thực hiện chứng từ CTNH mỗi lần chuyển giao nhưng phải thực hiện trách nhiệm sau:

+ Sử dụng Sổ giao nhận CTYTNH trong mỗi lần chuyển giao CTYTNH.

+ Định kỳ 01 tháng, xuất 01 bộ chứng từ CTNH cho lượng CTYTNH đã chuyển giao trong tháng theo quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm Thông tư 36.

- Các chủ nguồn thải CTYTNH còn lại: sử dụng Sổ giao nhận CTYTNH trong mỗi lần chuyển giao thay thế cho chứng từ CTYTNH.

4.2. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH

a) Tổ chức xử lý CTYTNH theo mô hình tập trung của thành phố.

b) Các đơn vị được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xử lý CTNH với mã CTYTNH phù hợp được phép thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH trên địa bàn thành phố.

c) Thời gian thực hiện mô hình thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH này, kể

từ ngày 01 tháng 6 năm 2018.

4.3. Xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH

a) Đối với cơ sở y tế tư nhân: các cơ sở y tế tư nhân có trách nhiệm ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý; thanh toán toàn bộ chi phí theo hợp đồng dịch vụ từ ngày 01 tháng 6 năm 2018 trở đi.

b) Đối với cơ sở y tế công lập:

- Từ ngày 01 tháng 6 năm 2018: thực hiện xã hội hóa công đoạn vận chuyển, xử lý CTYTNH chiếm 30% tổng chi phí vận chuyển, xử lý CTYTNH, thành phố bao cấp công đoạn vận chuyển, xử lý CTYTNH chiếm 70% tổng chi phí vận chuyển, xử lý CTYTNH.

- Từ ngày 01 tháng 6 năm 2019: thực hiện xã hội hóa công đoạn vận chuyển, xử lý CTYTNH chiếm 60% tổng chi phí vận chuyển, xử lý CTYTNH, thành phố bao cấp công đoạn vận chuyển, xử lý CTYTNH chiếm 40% tổng chi phí vận chuyển, xử lý CTYTNH.

- Từ ngày 01 tháng 6 năm 2020 trở đi: thực hiện xã hội hóa toàn bộ đối với công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH công lập nghĩa là các cơ sở y tế công lập có trách nhiệm ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý; thanh toán toàn bộ chi phí theo hợp đồng dịch vụ.

5. Trách nhiệm các bên liên quan

5.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn chung việc thực hiện kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, CTYTNH trên địa bàn thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ban Quản lý Khu xây dựng quy định, về quản lý CTNH phát sinh trên địa bàn quận-huyện, Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu Công nghệ cao.

c) Thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu về quản lý CTNH, CTYTNH trên địa bàn thành phố bằng nguồn ngân sách sự nghiệp môi trường hàng năm.

d) Theo dõi và kiểm tra hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, CTYTNH trên toàn địa bàn thành phố. Hỗ trợ giải quyết kịp thời các vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

e) Xây dựng các biểu mẫu liên quan đến công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, CTYTNH trên địa bàn thành phố, để hướng dẫn các đơn vị thực hiện và báo cáo.

g) Thống kê danh sách các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH, CTYTNH trên địa bàn thành phố và công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

h) Tiếp nhận các báo cáo của các tổ chức và đơn vị liên quan để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, CTYTNH trước ngày 31 tháng 3 hàng năm và báo cáo đột xuất về quản lý CTNH theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn thành phố; hướng dẫn, tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Định kỳ hàng năm, báo cáo tình hình quản lý CTNH và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo; hoặc báo cáo đột xuất các vấn đề liên quan đến quản lý CTNH theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

5.3. Sở Công Thương

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các hoạt động tại các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trong công tác thu gom, xử lý CTNH.

b) Định kỳ hàng năm, báo cáo tình hình quản lý CTNH và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo; hoặc báo cáo đột xuất các vấn đề liên quan đến quản lý CTNH theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

5.4. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, triển khai Kế hoạch cho các chủ nguồn thải là cơ sở y tế trên địa bàn thành phố thực hiện theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan

kiểm tra, thanh tra các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố, về hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH trên địa bàn thành phố.

c) Thường xuyên cập nhật biên động về các cơ sở y tế và cung cấp danh sách quản lý định kỳ hàng quý về Sở Tài nguyên và Môi trường; công khai thông tin, về các cơ sở y tế trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

d) Định kỳ hàng năm, báo cáo tình hình quản lý CTYTNH và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo; hoặc báo cáo đột xuất các vấn đề liên quan đến quản lý CTYTNH theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

5.5. Công an thành phố

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan kiểm tra hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, CTYTNH trên địa bàn thành phố, kịp thời phát hiện và xử phạt các vi phạm hành chính hoặc điều tra khởi tố nếu có dấu hiệu tội phạm về môi trường.

5.6. Ủy ban nhân dân quận - huyện

a) Phối hợp và tổ chức thực hiện Kế hoạch phù hợp với tình hình địa phương và phạm vi quản lý; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về CTNH, CTYTNH.

b) Chủ trì phối hợp với đơn vị được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xử lý CTNH với mã CTNH, CTYTNH phù hợp tổ chức triển khai mạng lưới thu gom, vận chuyển CTNH, CTYTNH phát sinh từ các chủ nguồn thải gặp khó khăn trong việc thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý CTNH, CTYTNH (bao gồm các cơ sở nhỏ lẻ có phát sinh CTNH, CTYTNH dưới 600 kg/năm) phù hợp với năng lực của từng đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, CTYTNH theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng quy định về quản lý CTNH phát sinh trên địa bàn quận-huyện, Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu Công nghệ Cao.

d) Tiếp tục thực hiện và đẩy mạnh “Tuần lễ thu gom CTNH hộ gia đình” nhằm đảm bảo CTNH phát sinh từ hộ gia đình được thu gom, xử lý triệt để.

e) Tổ chức kiểm tra hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, CTYTNH tại địa phương theo quy định.

g) Định kỳ hàng năm, cập nhật cơ sở dữ liệu, báo cáo tình hình quản lý CTNH,

CTYTNNH tại địa phương gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo; hoặc báo cáo đột xuất các vấn đề liên quan đến quản lý CTNNH, CTYTNNH theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

5.7. Ban quản lý Khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao

a) Xây dựng và triển khai Kế hoạch đối với các chủ nguồn thải trong Khu thuộc phạm vi quản lý.

b) Phối hợp với các chủ vận chuyển CTNNH hoặc chủ xử lý CTNNH tổ chức mạng lưới thu gom, vận chuyển và xử lý CTNNH phát sinh dưới 600 kg/năm từ các chủ nguồn thải có nhu cầu.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng quy định về quản lý CTNNH phát sinh trên địa bàn quận-huyện, Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu Công nghệ Cao.

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát CTNNH phát sinh của chủ nguồn thải, chủ vận chuyển hoặc chủ xử lý CTNNH hoạt động trong Khu.

e) Định kỳ hàng năm, cập nhật cơ sở dữ liệu, báo cáo tình hình quản lý CTNNH tại Khu gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo; hoặc báo cáo đột xuất các vấn đề liên quan đến quản lý CTNNH theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

5.8. Chủ nguồn thải CTNNH, CTYTNNH

a) Thực hiện quản lý CTNNH, CTYTNNH theo Kế hoạch này và theo Nghị định 38, Thông tư 36, Thông tư liên tịch 58.

b) Thực hiện trách nhiệm ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTNNH, CTYTNNH; thanh toán toàn bộ chi phí theo hợp đồng dịch vụ.

5.9. Chủ thu gom, vận chuyển, xử lý CTNNH, CTYTNNH

a) Tổ chức thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý CTNNH, CTYTNNH theo Kế hoạch này, Nghị định 38, Thông tư 36 và Thông tư liên tịch 58.

b) Định kỳ hàng năm, báo cáo tình hình thu gom, vận chuyển, xử lý CTNNH, CTYTNNH và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

6. Tổ chức thực hiện

a) Các nội dung không được nêu trong Kế hoạch này, các đơn vị liên quan phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Nghị định 38, Thông tư liên tịch 58 và Thông tư 36.

b) Kế hoạch này được tổ chức thực hiện hàng năm, nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc cần có sự thay đổi, cần điều chỉnh cho phù hợp, các Sở-ban-ngành, Ủy ban nhân dân quận-huyện, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố, Ban Quản lý Khu công nghệ cao kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố, để giải quyết kịp thời./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng